

UBND TỈNH AN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNNMT-CCTTBVTV

An Giang, ngày 04 tháng 9 năm 2025

v/v hướng dẫn lịch gieo sạ
lúa vụ Mùa năm 2026

Kính gửi:

- UBND các xã, phường: An Biên, Tây Yên, Đông Thái, An Minh, Đông Hòa, Tân Thạnh, Đông Hưng, Vân Khánh, U Minh Thượng, Vĩnh Hòa, Vĩnh Thuận, Vĩnh Bình, Vĩnh Phong, Gò Quao, Định Hòa, Vĩnh Tuy, Giang Thành, Hà Tiên và Tô Châu;
- Trạm Kỹ thuật nông nghiệp các khu vực: An Biên, An Minh, U Minh Thượng, Vĩnh Thuận, Gò Quao, Giang Thành và Hà Tiên.

Theo Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn thời hạn mùa tỉnh An Giang Giang từ tháng 8/2025 đến tháng 01/2026 (Bản tin số: 23/KTHM/ĐAG-DBKH ngày 01/8/2025 của Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh An Giang) về lượng mưa. Tổng lượng mưa từ tháng 8-12/2025 ở mức cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ từ 5-10%; tháng 11-12/2025 xấp xỉ TBNN. Mùa mưa kết thúc muộn hơn TBNN, khả năng vào khoảng cuối tháng 11 đến nửa đầu tháng 12/2025. Sau khi mùa mưa kết thúc, vẫn còn khá nhiều ngày có mưa trái mùa trong những tháng đầu mùa khô năm 2025-2026.

Căn cứ vào tình hình thu hoạch lúa vụ Hè Thu 2025, tình hình rầy nâu di trú, dự báo khí tượng thủy văn và điều kiện thực tế tại các địa phương, Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn lịch gieo sạ lúa vụ Mùa năm 2026 như sau:

1. Khung lịch thời vụ lúa vụ Mùa năm 2026

Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang khuyến cáo khung lịch thời vụ cho vụ Mùa năm 2026 trong toàn tỉnh tập trung từ ngày 25/8/2025 đến ngày 20/10/2025 (*nhằm ngày 03 tháng 7 đến ngày 29 tháng 8 âm lịch*), gồm 02 trà lúa:

- Trà lúa đầu xuống giống khoảng 13,37% diện tích (khoảng 10.533,0 ha).
- Trà lúa đại trà xuống giống khoảng 86,63% diện tích khoảng 68.233,0 ha, (*phụ lục đính kèm*).

- Lịch xuống giống khuyến cáo đối với lúa sạ gồm 2 đợt:

+ **Đợt 1:** từ ngày 25/8 đến ngày 10/9/2025 (*nhằm ngày 03 tháng 7 đến ngày 19 tháng 7 âm lịch*): áp dụng cho vùng có điều kiện thuận lợi để rửa mặn (nước sông, nước mưa), bao gồm: một phần các xã, phường: Đông Thái, Tây Yên, U Minh Thượng, Vĩnh Bình, Vĩnh Thuận, Vĩnh Phong, Hà Tiên và toàn bộ xã Giang Thành.

+ **Đợt 2:** từ ngày 15/9 đến 20/10/2025 (*nhằm ngày 24 tháng 7 đến ngày 29 tháng 8 âm lịch*): chính vụ, áp dụng cho phần lớn diện tích còn lại trong tỉnh. Bao gồm: phần còn lại các xã, phường: Đông Thái, Tây Yên, U Minh Thượng, Vĩnh Bình, Vĩnh Thuận, Vĩnh Phong, Hà Tiên và toàn bộ các xã, phường: An Biên, An Minh, Tân Thạnh, Đông Hòa, Đông Hưng, Vân Khánh, Vĩnh Hòa, Định Hòa, Gò Quao, Vĩnh Tuy và Tô Châu.

- **Lịch xuống giống khuyến cáo đối với lúa cấy** (một phần diện tích của các xã: An Biên, Tây Yên, Đông Thái, An Minh, Đông Hòa, Tân Thạnh, Đông Hưng, Vân Khánh, U Minh Thượng, Vĩnh Hòa, Vĩnh Thuận, Vĩnh Bình và Vĩnh Phong):

Thời gian gieo mạ từ ngày 20/8 đến ngày 20/9/2025; cấy từ ngày 15/9/2025 đến ngày 20/10/2025 (*nhằm ngày 24 tháng 7 đến ngày 29 tháng 8 âm lịch*).

Tùy theo tình hình diễn biến thời tiết, hạn mặn, các địa phương có thể linh động bố trí lịch xuống giống phù hợp với tình hình thực tế của từng tiểu vùng sinh thái, đảm bảo an toàn cho sản xuất.

2. Chú ý các yêu cầu, điều kiện để sản xuất vụ Mùa

Bố trí thời điểm xuống giống phù hợp với điều kiện thời tiết, đảm bảo cây lúa nhận được đủ nước cho nhu cầu phát triển.

Về thủy lợi, cần có hệ thống kênh mương đầy đủ, hoạt động hiệu quả để chủ động tưới tiêu, thoát nước nhanh khi mưa lớn và giữ nước khi khô hạn, đảm bảo độ ẩm đất ổn định, hỗ trợ cây trồng sinh trưởng an toàn và bền vững

3. Biện pháp kỹ thuật

- Làm đất và rửa mặn: sau khi thu hoạch tôm xong, cần tiến hành tháo nước, tận dụng nguồn nước mưa và nước ngọt dưới kênh rửa mặn liên tục nhiều lần, thời gian rửa mặn từ 20-30 ngày trước khi gieo cấy. Sau đó tiến hành làm đất (trục, xới, bừa) kết hợp bón vôi với liều lượng 200-400 kg/ha để giúp rửa mặn nhanh hơn trước khi gieo sạ hoặc cấy.

- Giống lúa: khuyến cáo sử dụng các giống lúa chịu mặn như: ST25, ST24, ST5, RVT, BTE-1, Một bụi đỏ, OM 2517, OM 6976.

- Mật độ sạ, cấy: khuyến cáo sạ, cấy thưa để hạn chế sâu bệnh, tạo điều kiện phát triển tôm sau này, mật độ sạ: 80 – 100 kg/ha (tùy giống lúa và điều kiện đất), mật độ cấy trung bình: khoảng 20 – 25 bụi/m² (mỗi bụi: 2 – 3 chồi lúa, hàng cách hàng: 30 cm và bụi cách bụi: 20 – 25 cm).

- Liên kết sản xuất - tiêu thụ: Sở Nông nghiệp và Môi trường khuyến cáo nông dân tham gia vào các hợp tác xã, tổ hợp tác sản xuất lúa - tôm để cùng chia sẻ thông tin, kỹ thuật và đầu ra. Thực hiện sản xuất theo chuỗi giá trị, hướng đến chứng nhận hữu cơ, GlobalGAP... để nâng cao giá trị sản phẩm.

Để đảm bảo xuống giống đạt kế hoạch, an toàn và hiệu quả, đề nghị các địa phương, đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ như sau:

- Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường: chỉ đạo các ngành và địa phương triển khai kế hoạch sản xuất lúa vụ Mùa năm 2026 theo khung lịch thời vụ hướng dẫn. Đồng thời xây dựng kế hoạch gieo sạ phù hợp với từng tiểu vùng sinh thái phù hợp theo khung lịch chung của tỉnh. Những địa phương gieo sạ tự phát ngoài lịch khuyến cáo cần có biện pháp chỉ đạo chấn chỉnh kịp thời. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại nhằm thu hút doanh nghiệp liên kết đầu tư và tiêu thụ sản phẩm. Chủ động các biện pháp ứng phó hiệu quả với nguy cơ do mưa bão, thiếu nước, xâm nhập mặn cuối vụ tại địa phương.

- Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật: theo dõi, báo cáo tiến độ sản xuất và tham mưu, đề xuất kịp thời các giải pháp tổ chức sản xuất ở địa phương. Phân công cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra phát hiện sớm sinh vật gây hại để kịp thời chỉ đạo phòng chống hiệu quả; duy trì hệ thống thông tin, báo cáo từ địa phương đến tỉnh để phối hợp chỉ đạo kịp thời.

- Trung tâm Khuyến nông: tổ chức và triển khai các chương trình ứng dụng kỹ thuật tiên tiến, sản xuất lúa đạt chuẩn (VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, SRP,...); giảm chi phí đầu vào, tăng hiệu quả sản xuất. Nâng cao chất lượng các chương trình khuyến nông, cánh đồng lớn gắn với liên kết bao tiêu sản phẩm; Chủ động báo cáo định kỳ, kịp thời tình hình xuống giống lúa vụ mùa và chỉ đạo các trạm khu vực phối hợp với UBND các xã, phường đẩy nhanh tiến độ xuống giống theo đúng khung thời vụ khuyến cáo.

- Trung tâm Giống Nông Lâm Ngư nghiệp: hướng dẫn, khuyến cáo, cung ứng giống lúa chất lượng cao có khả năng thích ứng, thích nghi tốt với hạn, mặn và sâu, bệnh.

- Chi cục Thủy lợi: theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, tình hình xâm nhập mặn, chất lượng nguồn nước; vận hành linh hoạt và có hiệu quả các hệ thống cống, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh nhằm đảm bảo điều tiết nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, ứng phó với nguy cơ hạn, xâm nhập mặn.

Để đảm bảo thắng lợi sản xuất lúa vụ Mùa năm 2026, đề nghị UBND các xã, phường và các đơn vị trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện tốt các nội dung trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Chi cục TTBVTV;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Trung tâm Giống NLNN;
- Chi cục Thủy Lợi;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Thanh Hiệp

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH SẢN XUẤT LÚA VỤ MÙA NĂM 2026 TẠI CÁC XÃ, PHƯỜNG TRONG TỈNH
(Ban hành kèm theo Công văn số /SNNMT-TTBVTV ngày tháng 8 năm 2025
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang)

TT	Vùng sản xuất	Tên xã/phường	Kế hoạch lúa vụ Mùa năm 2026			Đợt 1: từ ngày 25/8 đến ngày 10/9/2025 (ha)	Đợt 2: từ ngày 15/9 đến ngày 20/10/2025 (ha)	Ghi chú
			Diện tích (ha)	Năng suất (tấn/ha)	Sản lượng (tấn)			
1	Vùng ven biển khu vực U Minh Thượng	Tây yên	9.167,0	5,3	48.585,1	2.778,0	6.389,0	Rửa mặn trong đất sản xuất chủ yếu nhờ nước mưa
2		Đông Thái	8.101,0	5,3	42.935,3	3.000,0	5.101,0	
3		Tân Thạnh	2.110,0	5,1	10.761,0	-	2.110,0	
4		Đông Hưng	1.700,0	5,2	8.840,0	-	1.700,0	
5		Vân Khánh	1.620,0	5,1	8.262,0	-	1.620,0	
6	Vùng dọc theo Quốc Lộ 63 (gần biển)	An Biên	4.759,0	5,3	25.222,7	-	4.759,0	Rửa mặn trong đất sản xuất chủ yếu nhờ nước mưa
7		Đông Hòa	13.200,0	5,3	69.960,0	-	13.200,0	
8		An Minh	10.870,0	5,3	57.611,0	-	10.870,0	
9		U Minh Thượng	4.840,0	5,4	26.136,0	2.420,0	2.420,0	
10		Vĩnh Hòa	4.446,0	5,4	24.008,4	-	4.446,0	
11		Vĩnh Bình	1.450,0	5,5	7.975,0	450,0	1.000,0	
12		Vĩnh Thuận	5.855,0	5,5	32.202,5	855,0	5.000,0	
13		Vĩnh Phong	8.050,0	5,5	44.275,0	550,0	7.500,0	

14	Vùng ven sông Cái Lớn (phía Quốc Lộ 61)	Định Hòa	905,0	6,8	6.154,0	-	905,0	Rửa mặn trong đất sản xuất chủ yếu nhờ nước mưa và nước sông
15		Gò Quao	11,0	6,8	74,8	-	11,0	
16		Vĩnh Tuy	845,0	6,8	5.746,0	-	845,0	
17	Vùng ven kênh Hà Giang	Giang Thành	300,0	5,0	1.500,0	300,0	-	Rửa mặn trong đất sản xuất chủ yếu nhờ nước mưa và nước sông
18		Hà Tiên (Đông Hồ)	50,0	5,0	250,0	50,0	-	
19	Vùng lúa nương	Hà Tiên (Mỹ Đức, Pháo Đài)	450,0	3,5	1.575,0	150,0	300,0	Canh tác phụ thuộc hoàn toàn vào nước mưa
20		Tô Châu	57,0	5,0	285,0	-	57,0	
Tổng			78.786,0	5,36	422.358,8	10.553,0	68.233,0	